CÔNG TY CP VẬT TƯ HẬU GIANG
Digitally signed by CÔNG TY CP VẬT TƯ HẬU GIANG
DN: C=VN, L=CẦN THƠ, CN=CÔNG TY CP VẬT TƯ HẬU GIANG, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:1800506679, E=VATTUHAUGIANG@HCM.VNN.VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026-11-10 16:03:49

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 1800506679

Đăng ký lần đầu: ngày 12 tháng 05 năm 2003

Đăng ký thay đổi lần thứ: 33, ngày 08 tháng 06 năm 2026

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAU GIANG MATERIALS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HAMACO

2. Địa chỉ trụ sở chính

184, Trần Hưng Đạo, Phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Điện thoại: *02923.735.345* Số Fax:

Thư điện tử: *hamaco@hamaco.vn* Website: *https://hamaco.vn/*

3. Vốn điều lệ: 149.370.480.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm bốn mươi chín tỷ ba trăm bảy mươi triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 14.937.048

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: MAI BẢO NGỌC Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *06/01/1980* *Quốc tịch: Việt Nam*

Số định danh cá nhân: *086080002788*

Chức danh: Tổng giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *48 Phạm Hữu Lầu, Khu vực 4, Phường Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam*

* Họ, chữ đệm và tên: LÊ HOÀNG NAM Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *05/04/1978* *Quốc tịch: Việt Nam*

Số định danh cá nhân: *092078009326*

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Địa chỉ liên lạc: *131A, Đồng Văn Cống,, Phường Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam*

KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

SỞ TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ CẦN THƠ
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Ngô Văn Chúc

CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 01591 **Quyển số** 01 SCT/BS
Ngày: 07 -10- 2026

PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

U.B.N.D PHƯỜNG NINH KIỀU TP CẦN THƠ
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

Ngô Thị Cẩm Duyên

HAMACO
NHÀ PHÂN PHỐI CHUYÊN NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG
SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 29 tháng 10 năm 2026

Số: 01-NQ/ĐHĐCĐ.2026

Cần Thơ, ngày 03 tháng 03 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (Luật Doanh nghiệp);*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 năm 2019 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang;*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ngày 03/03/2026.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 của Công ty, trong đó, một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh năm 2025 cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	% thực hiện kế hoạch 2025	Tăng/ giảm 2025 so 2024
Doanh thu	Tr.đ	3.400.000	3.292.409	96,8%	9,1%
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	45.000	51.299	114%	5,3%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	10	10	100%	0%

Điều 2. Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2026

Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Công ty, trong đó, thông qua các chỉ tiêu kinh doanh năm 2026 (hợp nhất), cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tăng/giảm 2026 so 2025
1. Doanh thu	Tr.đ	3.292.409	3.500.000	6,3%
2. Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	51.299	55.000	7,2%
3. Cổ tức (%/mệnh giá cổ phiếu)	%	10	10	0%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG HAMACO MSDN 0500867

TỔNG GIÁM ĐỐC

Mai Bảo Ngọc

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026

Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026.

Điều 4. Thông qua Báo cáo hoạt động của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán năm 2025

Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo hoạt động của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán năm 2025.

Điều 5. Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán

Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ (đã được Công ty công bố thông tin theo quy định).

Điều 6. Thông qua việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 cụ thể như sau:

1. Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025
   a) Kết quả kinh doanh năm 2025 (hợp nhất)
      i) Lợi nhuận sau thuế hợp nhất : 51.299.852.100 đồng;
      ii) Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát : 6.245.588.672 đồng;
      iii) Lợi nhuận sau thuế thuộc cổ đông Công ty mẹ : 45.054.263.428 đồng.
   b) Tổng lợi nhuận sau thuế được phân phối : 45.054.263.428 đồng:
      (Tính trên lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ)
      i) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (4%) : 1.802.170.537 đồng;
      ii) Chi trả cổ tức (10%/mệnh giá) : 9.638.061.000 đồng;
      (đã chi trả trong tháng 02/2026)
      iii) Lợi nhuận còn lại chưa phân phối : 33.614.031.891 đồng;
      iv) Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước :118.112.103.709 đồng;
      v) Trích nguồn phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu : 28.162.348.638 đồng;
      vi) Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối : 123.563.786.962 đồng.

Việc phân phối lợi nhuận bảo đảm tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và phù hợp tình hình tài chính, nhu cầu vốn hoạt động của Công ty.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2026:
   a) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: Dự kiến trích 4% lợi nhuận sau thuế thuộc cổ đông Công ty mẹ năm 2026;
   b) Chi trả cổ tức năm 2026: Dự kiến tỷ lệ 10%/mệnh giá (bằng tiền mặt).

Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị quyết định thời điểm chi trả cổ tức năm 2026 và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 7. Thông qua việc Báo cáo Tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của HĐQT năm 2025 và Kế hoạch chi trả thù lao, thưởng của HĐQT năm 2026

Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo Tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của HĐQT năm 2025 và Kế hoạch chi trả thù lao, thưởng của HĐQT năm 2026 cụ thể như sau:

STT	Hạng mục	Kế hoạch 2026
1	Tổng tiền lương (đối với thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành)	1.680.000.000 đồng
2	Tổng thù lao cố định (đối với Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành)	1.440.000.000 đồng
3	Thưởng theo lợi nhuận vượt kế hoạch	10% phần lợi nhuận sau thuế hợp nhất vượt kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, căn cứ theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán.

Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị xác định mức thù lao, thưởng cho từng thành viên và thời điểm chi trả. Việc chi trả thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính năm 2026

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2026 với nội dung như sau:

1. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty;

2. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thuộc danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;
3. Hội đồng quản trị quyết định phạm vi dịch vụ và mức phí kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

Điều 9. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu

Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Mã chứng khoán: HAM
4. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
5. Vốn điều lệ hiện tại: 96.380.610.000 đồng
6. Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 9.638.061 cổ phiếu

   Trong đó:

   - Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 9.638.061 cổ phiếu
   - Tổng số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
7. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 4.819.030 cổ phiếu
8. Giá trị phát hành dự kiến tính theo mệnh giá: 48.190.300.000 đồng
9. Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
10. Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu. Thời điểm chốt danh sách được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.
11. Tỷ lệ phát hành *(số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành)*: 50%
12. Tỷ lệ thực hiện quyền: 2:1. Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ có 01 quyền nhận thêm cổ phiếu, cứ 02 quyền nhận thêm cổ phiếu sẽ nhận được thêm 01 cổ phiếu mới.
13. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số cổ phiếu phát hành thêm cho mỗi cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ.
    Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 179 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ thực hiện quyền 2:1, cổ đông A được nhận 179 x 1/2 = 89,5 cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị, cổ đông A thực nhận 89 cổ phiếu mới. Số phần thập phân là 0,5 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.

14. Nguồn vốn thực hiện: Quỹ đầu tư phát triển và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo thứ tự thực hiện như sau:
    - Giá trị Quỹ đầu tư phát triển được xác định tại ngày 31/12/2025 căn cứ theo Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán: 20.027.951.362 đồng.
    - Giá trị Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được xác định tại ngày 31/12/2025 căn cứ theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán: 28.162.348.638 đồng.
15. Thời gian thực hiện: Sau khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành, dự kiến từ Quý II/2026. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm phát hành thích hợp để đảm bảo quyền lợi của cổ đông và theo quy định của pháp luật.
16. Đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung: Sau khi hoàn tất đợt phát hành, ĐHĐCĐ thông qua và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
17. Thông qua việc thay đổi Vốn điều lệ: Thông qua việc thay đổi Điều lệ Công ty tại Khoản 1 Điều 6 Điều lệ Công ty và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành.
18. Trình tự thực hiện chào bán/phát hành:

    Công ty thực hiện việc chào bán/phát hành cổ phiếu theo thứ tự như sau:

    (1) Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

    (2) Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

    (3) Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty.
19. Thông qua việc ủy quyền:

    Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề liên quan đến đợt phát hành, cụ thể:

    - Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ báo cáo phát hành chứng khoán gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh phương án phát hành và các hồ sơ khác có liên quan theo tình hình thực tế của Doanh nghiệp hoặc yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác.
    - Lựa chọn ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

- Chủ động xây dựng phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật.
- Thực hiện các thủ tục, công việc và lựa chọn thời điểm thích hợp để đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) số lượng cổ phiếu phát hành thêm theo kết quả thực tế của đợt phát hành sau khi UBCKNN thông báo bằng văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành;
- Thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty liên quan tới việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả thực tế của đợt phát hành với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành;
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành;
- Thực hiện các công việc khác có liên quan nhằm đảm bảo cho đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu được thành công;
- Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị được ủy quyền lại cho Chủ tịch HĐQT/Người đại diện theo pháp luật để thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể nêu trên.

Điều 10. Thông qua phương án phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)

Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động ("ESOP"), với nội dung như sau:

I. Mục đích

- Tạo động lực để người lao động nâng cao hiệu quả làm việc, đóng góp cho sự tăng trưởng Công ty.
- Gắn một phần thu nhập của người lao động với lợi ích cổ đông Công ty.
- Thu hút và giữ chân nhân tài, đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty.

II. Thông tin phát hành

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Mã chứng khoán: HAM

4. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
5. Vốn điều lệ hiện nay: 96.380.610.000 đồng
6. Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 9.638.061 cổ phiếu

   Trong đó:

   - Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 9.638.061 cổ phiếu
   - Tổng số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
7. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 480.000 cổ phiếu.
8. Tổng giá trị dự kiến phát hành tối đa theo mệnh giá: 4.800.000.000 đồng *(Bằng chữ: Bốn tỷ, tám trăm triệu đồng)*
9. Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.
10. Nguyên tắc xác định giá phát hành: bằng mệnh giá.
11. Đối tượng phát hành: Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang ("Công ty/HAMACO"); Cán bộ quản lý của HAMACO và các Công ty con thuộc HAMACO; và cán bộ nhân viên của HAMACO tại thời điểm lập danh sách, đáp ứng tiêu chuẩn tham gia Chương trình ESOP và thuộc danh sách người lao động được tham gia Chương trình ESOP do HĐQT thông qua theo ủy quyền của ĐHĐCĐ.
12. Tiêu chí tham gia Chương trình ESOP: Là các đối tượng (sau đây gọi tắt là "người lao động" hoặc "NLĐ") thỏa mãn đủ các tiêu chuẩn như sau:
    - Thành viên HĐQT (không bao gồm Thành viên độc lập HĐQT) tại HAMACO nhiệm kỳ 2021 – 2025 của Công ty;
    - Cán bộ quản lý công tác tại HAMACO và các Công ty thuộc hệ thống của HAMACO bao gồm: Ban Tổng Giám đốc/ Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban, Trưởng phòng/ Quyền trưởng phòng, Phó phòng, Trưởng chi nhánh, Quản đốc, Phó Quản đốc, Trưởng trạm có ký hợp đồng lao động và đang làm việc, hưởng lương tại Công ty, các Công ty thuộc hệ thống của HAMACO tính đến ngày 31/12/2024. Danh sách các Công ty thuộc hệ thống của HAMACO cụ thể như sau:
        + Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco (HAMACO sở hữu 81,8% vốn Điều lệ)
        + Công ty TNHH MTV Hamaco Petro (HAMACO sở hữu 100% vốn Điều lệ)
        + Công ty TNHH MTV Bê tông Hamaco - Hậu Giang (CTCP Bê tông Hamaco - công ty con của HAMACO sở hữu 100% Vốn Điều lệ)

+ Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Xanh Hamaco (HAMACO sở hữu 100% Vốn Điều lệ)

- Cán bộ nhân viên công tác tại HAMACO đã ký hợp đồng lao động trước thời điểm 01/01/2021.
- Có những đóng góp vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn 2021 – 2025.
- Có nguyện vọng gắn bó lâu dài, tự nguyện tham gia Chương trình ESOP theo các tiêu chuẩn đặt ra;
- Thành viên tham gia chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động nộp đơn xin nghỉ việc/ đơn xin từ nhiệm trước khi kết thúc thời gian thu tiền sẽ không được tiếp tục tham gia chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động, không phụ thuộc vào thời gian nộp tiền của người lao động.
- Không áp dụng đối với: NLĐ bị xử lý kỷ luật lao động hoặc đang trong thời gian chờ xử lý kỷ luật/chờ xem xét xử lý kỷ luật trong thời gian từ năm 2021 - 2025;

13. Nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng:

    Chi tiết kèm theo

14. Hạn chế chuyển nhượng: Số cổ phiếu phát hành theo chương trình ESOP sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 100% trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.

    Các quyền, lợi ích phát sinh từ cổ phiếu ESOP này trong thời gian hạn chế chuyển nhượng nêu tại Điều này sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.

15. Xử lý trong trường hợp Người lao động nghỉ việc/ chấm dứt Hợp đồng lao động trong thời gian hạn chế chuyển nhượng:

    Trong thời gian hạn chế chuyển nhượng, nếu có Người lao động nghỉ việc hoặc Công ty/ các Công ty thuộc hệ thống của HAMACO cho thôi việc hoặc các hình thức chấm dứt Hợp đồng lao động khác thì số cổ phiếu đã phát hành cho Người lao động đó sẽ được Công ty mua lại với giá 10.000 đồng/ cổ phiếu và không còn bị hạn chế chuyển nhượng trừ một số trường hợp khác, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định. Công ty được phép bán ra theo quy định của pháp luật hiện hành.

    ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định chi tiết Phương án bán ra số cổ phiếu được Công ty mua lại.

16. Thời gian thực hiện: Sau khi được UBCKNN thông báo nhận đầy đủ tài liệu

báo cáo phát hành, dự kiến từ Quý II – Quý III/2026.

17. Phương án sử dụng vốn: Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu ESOP sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công ty.
18. Phương án xử lý trong trường hợp không chào bán hết: Số lượng cổ phiếu chưa chào bán hết theo dự kiến, sẽ được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chào bán cho người lao động khác sao cho giá bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu. Trong trường hợp HĐQT vẫn không tìm được người lao động phù hợp, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh giảm tổng số lượng cổ phiếu chào bán theo đúng số lượng cổ phiếu thực tế đã phân phối.
19. Cam kết việc đưa chứng khoán vào giao dịch trên thị trường chứng khoán có tổ chức: Sau khi hoàn tất đợt phát hành, ĐHĐCĐ thông qua và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
20. Thông qua việc thay đổi Vốn điều lệ: Thông qua việc thay đổi Điều lệ (Mục vốn điều lệ) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi có thông báo của UBCKNN về việc nhận đầy đủ Báo cáo kết quả phát hành.
21. Trình tự thực hiện chào bán/phát hành

    Công ty thực hiện việc chào bán/phát hành cổ phiếu theo thứ tự như sau:

    (1) Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

    (2) Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

    (3) Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của công ty.
22. Ủy quyền Hội đồng quản trị:

    ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc liên quan tới việc triển khai Chương trình ESOP như sau:

    - Xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP gửi cho UBCKNN và các cơ quan có thẩm quyền khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh Chương trình ESOP và các hồ sơ khác có liên quan theo tình hình thực tế của Công ty hoặc theo yêu cầu của UBCKNN và/hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác hoặc cho mục đích tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan (nếu có);
    - Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty;

- Thông qua danh sách, số lượng Người lao động được tham gia Chương trình ESOP; và xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng Người lao động được tham gia Chương trình ESOP và thời gian thực hiện;
- Thông qua việc cập nhật, bổ sung, điều chỉnh danh sách, số lượng Người lao động được tham gia Chương trình ESOP, bao gồm cả việc chấm dứt quyền của Người lao động tham gia Chương trình ESOP;
- Quyết định xử lý số lượng cổ phiếu dôi dư sau khi phân phối (nếu có) hoặc số cổ phiếu không được đăng ký mua hết/không bán hết (nếu có) do Người lao động tự nguyện từ bỏ quyền mua cổ phiếu hoặc do Người lao động tham gia Chương trình ESOP đã nộp đơn xin nghỉ việc/đơn xin từ nhiệm không được thực hiện quyền mua cổ phiếu;
- Xây dựng kế hoạch chi tiết về sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu ESOP theo Chương trình ESOP;
- Thực hiện công việc cần thiết để thông qua và sửa đổi Điều lệ, bao gồm các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ và hoạt động của Công ty sau khi có thông báo của UBCKNN về việc nhận đầy đủ Báo cáo kết quả phát hành;
- Thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty liên quan tới việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả thực tế của đợt phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi có thông báo của UBCKNN về việc nhận đầy đủ Báo cáo kết quả phát hành;
- Thực hiện các thủ tục, công việc và lựa chọn thời điểm thích hợp để đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội số lượng cổ phiếu phát hành theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua sau khi có thông báo của UBCKNN về việc nhận đầy đủ Báo cáo kết quả phát hành;
- Thực hiện các thủ tục khác với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc quy định pháp luật;
- Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị được ủy quyền lại cho Chủ tịch HĐQT/ Người đại diện theo pháp luật để thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể nêu trên; và

- Các vấn đề khác có liên quan đến việc phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP.

NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH SỐ CỔ PHIẾU ĐƯỢC PHÂN PHỐI CHO TỪNG ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH ESOP

Nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng tại Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang (HAMACO) và các Công ty con thuộc HAMACO, cụ thể được xác định như sau:

STT	Đối tượng	Số lượng (cổ phiếu)
I	Thành viên HĐQT (không bao gồm Thành viên độc lập HĐQT) tại HAMACO nhiệm kỳ 2021 – 2025 của Công ty; Cán bộ quản lý công tác tại HAMACO và các Công ty con thuộc HAMACO bao gồm: Ban Tổng Giám đốc/ Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban, Trưởng phòng/ Quyền trưởng phòng, Phó phòng, Trưởng chi nhánh, Quản đốc, Phó Quản đốc, Trưởng trạm	370.000
II	Cán bộ nhân viên công tác tại HAMACO	110.000
	Tổng số	**480.000**

I. Thành viên Hội đồng quản trị (không bao gồm Thành viên độc lập HĐQT) và Nhóm Cán bộ quản lý tại HAMACO và các Công ty con thuộc HAMACO *(Gọi tắt là "Nhóm I")*

1. *Thành viên Hội đồng quản trị (không bao gồm Thành viên độc lập HĐQT)*

Số lượng cổ phiếu được phân phối cho thành viên Hội đồng quản trị (không bao gồm Thành viên độc lập HĐQT) nhiệm kỳ 2021 – 2025 được xác định cụ thể như sau:

STT	Chức danh	Số lượng cổ phiếu phân bổ (cổ phiếu/ người)
1	Chủ tịch HĐQT	39.000
2	Thành viên HĐQT	8.000

	- Kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc	*+ 6.000*
	- Kiêm nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc	*+ 3.000*

2. ***Nhóm Cán bộ quản lý công tác tại HAMACO và các Công ty con thuộc HAMACO***

Số lượng cổ phiếu mỗi Người lao động tham gia chương trình ESOP được mua = **A + B + C + D**

Trong đó:

- A là Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số thâm niên
- B là Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số cấp bậc
- C là Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số hiệu quả làm việc
- D là Số lượng cổ phiếu phân bổ theo Đóng góp của Người lao động có thành tích đặc biệt cho sự phát triển của Công ty/ Công ty con

a) **Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số thâm niên (A):**

Hệ số thâm niên được xác định là khoảng thời gian mà CBNV đã làm việc thực tế tại Công ty mẹ - HAMACO và các công ty con, bao gồm cả trường hợp Người lao động gia nhập làm việc tại Công ty mẹ, sau đó được điều động, luân chuyển hoặc chuyển công tác sang làm việc tại công ty con trong cùng hệ thống.

b) Thời gian làm việc được tính liên tục, không gián đoạn, kể từ ngày Người lao động chính thức bắt đầu làm việc tại Công ty mẹ hoặc công ty con đầu tiên trong hệ thống HAMACO cho đến ngày 31/12/2025, cụ thể như sau:

Tiêu chí	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số thâm niên (A) (cổ phiếu/người)
>= 25 năm	3.500
>= 15 năm và < 25 năm	2.500
>= 11 năm và < 15 năm	2.000
>= 5 năm và < 11 năm	1.500

>= 1 năm và < 5 năm	500

c) **Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số cấp bậc (B):** được xác định dựa trên chức vụ và bộ phận làm việc của Người lao động tham gia chương trình ESOP năm 2026, cụ thể như sau:

Tiêu chí	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số cấp bậc (B) (cổ phiếu/người)
S1	4.000
S2	3.000
S3	2.500
S4	2.000
S5	1.800
S6	1.500
S7	1.000
S8	800
S9	500
S10	0

Trong đó, Tiêu chuẩn các cấp bậc S1, S2, ... được quy định chi tiết như sau:

Tiêu chí	Tiêu chuẩn vị trí	Công ty (*)
S1	- Tổng Giám đốc/ Phó Tổng	HAMACO

Tiêu chí	Tiêu chuẩn vị trí	Công ty (*)
	Giám đốc	
S2	- Người phụ trách Quản trị Công ty - Kế toán trưởng	HAMACO
	- Tổng Giám đốc/ Giám đốc	Bê tông, Green, Hậu Giang
S3	- Phó Tổng Giám đốc/ Phó Giám đốc	Bê tông, Green, Hậu Giang
S4	- Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ - Trưởng ban Xây dựng cơ bản - Trưởng ban Pháp chế - Trưởng phòng - Cửa hàng trưởng	HAMACO
S5	- Kế toán trưởng	Bê tông, Green, Hậu Giang
S6	- Trưởng chi nhánh	HAMACO
S7	- Phó phòng	HAMACO
	- Trưởng phòng	Bê tông, Green, Hậu Giang
	- Giám đốc	Petro
S8	- Kế toán trưởng	Petro
S9	- Quyền Trưởng phòng	Bê tông, Green, Hậu Giang
	- Trưởng phòng	Petro
S10	- Quản đốc - Trưởng trạm - Phó phòng - Phó Quản đốc	Bê tông, Green, Hậu Giang

Tiêu chí	Tiêu chuẩn vị trí	Công ty (*)
	- Trợ lý Chủ tịch	

(*) Danh sách tên viết tắt của Công ty, các công ty con của HAMACO như sau:

Tên viết tắt	Tên công ty
HAMACO	Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang
Bê tông	Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco
Petro	Công ty TNHH MTV Hamaco Petro
Hậu Giang	Công ty TNHH MTV Bê Tông Hamaco - Hậu Giang
Green	Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Xanh Hamaco

d) **Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số hiệu quả làm việc (C):** được xác định dựa trên mức độ hoàn thành công việc phân bổ trong năm 2025 của Người lao động tham gia chương trình ESOP, cụ thể như sau:

Tiêu chí	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số hiệu quả làm việc (cổ phiếu/người)
Hoàn thành công việc >= 150%	3.500
Hoàn thành công việc >= 140% và < 150%	3.000
Hoàn thành công việc >= 130% và < 140%	2.500
Hoàn thành công việc >= 120% và < 130%	2.000
Hoàn thành công việc >= 110% và < 120%	1.800
Hoàn thành công việc >= 100% và < 110%	1.500
Hoàn thành công việc >= 90% và < 100%	1.000
Hoàn thành công việc >= 80% và < 90%	500
Không xếp loại	0

e) **Số lượng cổ phiếu phân bổ theo Đóng góp của Người lao động có thành tích đặc biệt cho sự phát triển của Công ty/ Công ty con (D)**

Công ty xem xét phân bổ cổ phiếu ESOP cho Người lao động có đóng

góp nổi bật, lâu dài đối với sự phát triển và hiệu quả hoạt động của Công ty, cụ thể:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	Số lượng cổ phiếu phân bổ (cổ phiếu /người)
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG			
1.	Phạm Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	2.500
2.	Huỳnh Việt Hùng	Người phụ trách QTCT	1.500
3.	Nguyễn Thị Bé Ghí	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ	1.500
4.	Nguyễn Hồng Phúc	Trưởng Ban Xây dựng cơ bản	1.500
5.	Khổng Liên Phương	Trưởng Ban Pháp chế	2.000
6.	Trần Thị Thanh Vân	Trưởng phòng Hành chính nhân sự	1.500
7.	Lâm Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng	2.000
8.	Phạm Đức Cường	Trưởng phòng Công nghệ thông tin	1.500
9.	Quách Kim Ngân	Trưởng phòng Mua hàng	1.500
10.	Lục Quốc Cường	Trưởng phòng Bán hàng	1.800
11.	Nguyễn Kim Diệu	Cửa hàng trưởng Trà Nóc	1.800
12.	Võ Hồng Sang	Trưởng phòng Kinh doanh Sơn	1.800
13.	Trần Thanh Tùng	Trưởng chi nhánh Bạc Liêu	2.000
14.	Hoàng Văn Hùng	Trưởng chi nhánh Phú Quốc	2.000
CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG HAMACO			

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	Số lượng cổ phiếu phân bổ (cổ phiếu /người)
1.	Đỗ Xuân Thành	Tổng Giám đốc	2.500
2.	Trần Duy Minh	Phó Tổng Giám đốc	1.500
3.	Phạm Kim Quỳnh	Kế toán trưởng	1.500
4.	Lý Quốc Toàn	Trưởng phòng Bán hàng	1.500
CÔNG TY TNHH MTV VẬT LIỆU XÂY DỰNG XANH HAMACO			
1.	Nguyễn Thanh Liêm	Giám Đốc	2.500
2.	Nguyễn Thanh Thảo	Trưởng phòng Hành chính nhân sự	1.500
3.	Vũ Thị Lan Phương	Kế toán trưởng	1.500
4.	Cao Minh Thiện	Trưởng phòng Kinh doanh	1.500
CÔNG TY TNHH MTV BÊ TÔNG HAMACO - HẬU GIANG			
1.	Nguyễn Thanh Điền	Tổng Giám đốc	2.500
2.	Nguyễn Ngọc Lộc	Trưởng phòng Bán hàng	1.500
3.	Lê Ngọc Viện	Trưởng phòng Dịch vụ khách hàng	1.500

Lưu ý: Xác định số lượng cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng trong nhóm I

Để đảm bảo phân phối hết 370.000 cổ phiếu, ĐHĐCĐ giao cho HĐQT quyết định phân phối như sau:

- Nếu tổng số lượng cổ phiếu phân bổ cho tất cả người lao động trong

nhóm I = 370.000 cổ phiếu, thì số lượng cổ phiếu ESOP của từng người được giữ nguyên.

- Nếu tổng số lượng cổ phiếu phân bổ cho tất cả người lao động trong nhóm I < 370.000 cổ phiếu, thì số lượng cổ phiếu còn lại được phân phối cho người lao động có số lượng cổ phiếu nhiều nhất trong Danh sách ESOP.
- Nếu tổng số lượng cổ phiếu phân bổ cho tất cả người lao động trong nhóm I > 370.000 cổ phiếu, thì số lượng cổ phiếu bị dư ra được trừ đi cho người lao động có số lượng cổ phiếu nhiều nhất trong Danh sách ESOP.
-

II. Cán bộ nhân viên công tác tại HAMACO (Gọi tắt là "Nhóm II")

$$\text{Số lượng cổ phiếu mỗi người lao động được mua } (ESOP_i) = \frac{\text{Tổng số Cổ phiếu ESOP phát hành cho cấp độ nhân viên của HAMACO } (T_{ESOP_i})}{\text{Tổng số điểm của tất cả người lao động thuộc cấp độ nhân viên của HAMACO được mua cổ phiếu ESOP}} * \text{Số điểm của người lao động } (SCORE_i)$$

Trong đó:

$$SCORE_i = a_i * b_i$$

- **T_{ESOP}:** là tổng số cổ phiếu ESOP tối đa phát hành cho cấp độ nhân viên được phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, bằng 110.000 cổ phiếu
- **$SCORE_i$:** Số điểm của Người lao động i được quyền mua
- **a_i:** là hệ số thâm niên của Người lao động i
- **b_i:** là hệ số hoàn thành công việc của cá nhân của Người lao động i

1. Cách xác định các hệ số:

a) Hệ số thâm niên (a)

Hệ số thâm niên được xác định dựa trên thời gian thực tế làm việc của Người lao động (là nhân viên) được tham gia Chương trình ESOP năm 2026 tại Công ty tính đến ngày 31/12/2025, cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí	Hệ số thâm niên (a)
1	>= 10 năm	1
2	>= 8 năm và < 10 năm	0,8
3	>= 5 năm và < 8 năm	0,5

b) **Hệ số hoàn thành công việc (b)**

Hệ số hoàn thành công việc được xác định bằng kết quả mức độ hoàn thành những chỉ tiêu được giao và những sáng kiến cải tiến nhằm nâng cao hiệu suất công việc. Tiêu chí này được xem xét, đánh giá theo thang điểm sau:

STT	Mức độ hoàn thành	Hệ số hoàn thành công việc (b)
1	Hoàn thành công việc >= 140%	5
2	Hoàn thành công việc >= 130% và < 140%	4
3	Hoàn thành công việc >= 120% và < 130%	3,5
4	Hoàn thành công việc >= 110% và < 120%	3
5	Hoàn thành công việc >= 100% và < 110%	2,5
6	Hoàn thành công việc >= 90% và < 100%	2
7	Không xếp loại	0

2. Nguyên tắc làm tròn (nếu có):

a) Sau khi xác định số lượng cổ phiếu phân phối cho người lao động theo công thức nêu trên, số lượng cổ phiếu ESOP của từng người sẽ được làm tròn tới hàng trăm, như sau:

- Nếu số lẻ sau hàng trăm có giá trị <50 (làm tròn xuống) thì hàng trăm được giữ nguyên.

Ví dụ số lượng cổ phiếu phân phối cho người lao động sau khi áp dụng công thức nêu trên là 2.512 cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn nêu trên, người lao động sẽ được nhận 2.500 cổ phiếu.

- Nếu số lẻ sau hàng trăm có giá trị >=50 (làm tròn lên) thì hàng trăm được cộng thêm một đơn vị.

  Ví dụ nếu số lượng cổ phiếu được phân bổ là 2.488 cổ phiếu thì được làm tròn là 2.500 cổ phiếu.

b) Sau khi tính số lượng cổ phiếu mỗi người lao động được phân phối theo nguyên tắc làm tròn trên, để đảm bảo phân phối hết 110.000 cổ phiếu, HĐQT quyết định phân phối như sau:

- Nếu tổng số lượng cổ phiếu phân bổ cho tất cả người lao động thuộc nhóm II = 110.000 cổ phiếu, thì số lượng cổ phiếu ESOP của từng người sau khi được làm tròn tới hàng trăm được giữ nguyên theo nguyên tắc làm tròn.
- Nếu tổng số lượng cổ phiếu phân bổ cho tất cả người lao động thuộc nhóm II < 110.000 cổ phiếu, thì số lượng cổ phiếu còn lại được phân phối cho người lao động có tổng điểm cá nhân cao nhất trong Danh sách ESOP.

  Trường hợp có từ hai (02) Người lao động trở lên có tổng điểm cá nhân cao nhất bằng nhau, số lượng cổ phiếu còn lại sẽ được phân bổ cho Người lao động có thâm niên công tác lớn nhất trong nhóm Người lao động có tổng điểm cao nhất.
- Nếu tổng số lượng cổ phiếu phân bổ cho tất cả người lao động thuộc nhóm II > 110.000 cổ phiếu, thì số lượng cổ phiếu bị dư ra được trừ đi cho người lao động có tổng điểm cá nhân cao nhất trong Danh sách ESOP.

  Trường hợp có từ hai (02) Người lao động trở lên có tổng điểm cá nhân cao nhất bằng nhau, số lượng cổ phiếu phân bổ vượt sẽ được điều chỉnh giảm từ Người lao động có thâm niên công tác nhỏ nhất trong nhóm Người lao động có tổng điểm cao nhất.

Điều 11. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty, với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang
2. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang
3. Mã cổ phiếu: HAM
4. Loại cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu phổ thông
5. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
6. Vốn điều lệ hiện tại của Công ty: 96.380.610.000 đồng
7. Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành: 9.638.061 cổ phiếu

   Trong đó:

   - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 9.638.061 cổ phiếu
   - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
8. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: Tối đa 4.481.127 cổ phiếu
9. Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán thêm theo mệnh giá: 44.811.270.000 đồng
10. Hình thức chào bán: Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
11. Đối tượng chào bán: Tất cả các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang có tên trong danh sách Người sở hữu cổ phần tại ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách) do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp để thực hiện quyền mua.
12. Mức tăng vốn điều lệ dự kiến
    - Vốn điều lệ dự kiến trước phát hành *(đã bao gồm số lượng cổ phiếu dự kiến sau phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động)* : 149.370.910.000 đồng
    - Số vốn điều lệ dự kiến tăng (theo mệnh giá) : 44.811.270.000 đồng
    - Vốn điều lệ sau khi phát hành : 194.182.180.000 đồng
13. Nguyên tắc và căn cứ xác định giá chào bán: Giá phát hành được xác định bằng mệnh giá.
14. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
15. Tổng giá trị số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán: 44.811.270.000 đồng

16. Tỷ lệ thực hiện quyền: 10:3 *(Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cứ 01 cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được nhận 01 quyền mua cổ phiếu và cứ 10 quyền mua cổ phiếu sẽ được mua 03 cổ phiếu mới).*

17. Phương án làm tròn đối với cổ phiếu lẻ (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền: Để đảm bảo không vượt quá số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán, số lượng cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông hiện hữu được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đối tượng phân phối, tiêu chí, phương thức phân phối cho các nhà đầu tư khác với điều kiện giá bán phải lớn hơn hoặc bằng 10.000 đồng/cổ phiếu.

    Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu chào bán thêm, cổ đông A đang sở hữu 119 cổ phiếu. Với tỷ lệ thực hiện quyền 10:3, cổ đông A được quyền mua (119x3/10) = 35,7 cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị thì số cổ phiếu mà cổ đông A được quyền mua là 35 cổ phiếu, số cổ phiếu lẻ 0,7 cổ phiếu sẽ được HĐQT quyết định phân phối lại cho các nhà đầu tư khác với điều kiện giá bán phải lớn hơn hoặc bằng 10.000 đồng/cổ phiếu.

18. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có), cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua: Việc xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) và cổ phiếu của cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và tuân thủ quy định về đầu tư góp vốn vào công ty mẹ, công ty con theo quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp 2020.

    - Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) và số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký, không nộp tiền mua, được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đối tượng phân phối, tiêu chí, phương thức phân phối và giá chào bán không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu *(với điều kiện giá chào bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu).*
    - Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống và Số lượng cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký, không nộp tiền mua khi phân phối lại sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
    - Đối với trường hợp phân phối lại cổ phiếu thuộc một trong các trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, HĐQT sẽ thực hiện xin ý kiến ĐHĐCĐ để thông qua việc phân phối lại.

- Trong trường hợp, hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật *(bao gồm cả thời gian được gia hạn - nếu có),* nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán. HĐQT cân nhắc lựa chọn và điều chỉnh phương án sử dụng vốn để đảm bảo không ảnh hưởng đến nguồn vốn cũng như hoạt động kinh doanh của Công ty.

19. Quy định về cổ phiếu chào bán và Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu:
    - Cổ phiếu chào bán là cổ phiếu phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng.
    - Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần *(người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng quyền mua đó cho người thứ ba)*. Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng.
20. Phương thức phân phối
    - Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phiếu HAM: Làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua cổ phiếu tại các thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.
    - Đối với cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu HAM: Làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu, đăng ký mua cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang tại 184 Trần Hưng Đạo, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
21. Phương thức thanh toán: Nộp tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu theo quy định.
22. Thời gian dự kiến chào bán: Sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, sau khi hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng, dự kiến thực hiện từ Quý III – Quý IV/2026.
23. Phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài: ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT triển khai phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty theo

quy định.

24. Mục đích và Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

Toàn bộ số tiền dự kiến huy động được từ đợt chào bán sẽ được phân bổ sử dụng cho các hoạt động bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Giá trị dự kiến (đồng)
1	Thanh toán khoản nợ vay với tổ chức tín dụng *(Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh Cần Thơ)*	44.811.270.000

Tiến độ sử dụng vốn dự kiến từ Quý IV/2026, thời gian cụ thể do HĐQT quyết định phù hợp với tiến độ thực hiện.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xây dựng phương án sử dụng vốn cụ thể, quyết định và được quyền điều chỉnh phân bổ nguồn tiền thu được từ đợt chào bán và/hoặc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty khi thực hiện chào bán cổ phiếu, kế hoạch phát triển chung của Công ty và đảm bảo lợi ích của cổ đông đáp ứng các quy định của pháp luật.

Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng vốn, HĐQT phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành và báo cáo tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất về việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán này.

25. Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn trong trường hợp cổ phiếu không chào bán hết theo dự kiến: Trong trường hợp cổ phiếu không phân phối hết và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, HĐQT quyết định phương án bù đắp phần vốn thiếu hụt bao gồm và không giới hạn việc huy động nguồn vốn hợp pháp khác, sử dụng nguồn vốn thu được từ hoạt động kinh doanh; điều chỉnh phương án sử dụng vốn theo đúng quy định của pháp luật.
26. Cam kết việc đưa chứng khoán vào giao dịch trên thị trường chứng khoán có tổ chức: Sau khi hoàn tất đợt chào bán, ĐHĐCĐ thông qua và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) theo quy định.
27. Thông qua việc thay đổi Vốn điều lệ: Thông qua việc thay đổi Điều lệ công ty (mục vốn điều lệ) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
28. Trình tự thực hiện chào bán/phát hành:

Công ty thực hiện việc chào bán/phát hành cổ phiếu theo thứ tự như sau:

(1) Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

(2) Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

(3) Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của công ty.

29. Ủy quyền Hội đồng quản trị:

Để việc triển khai thực hiện công tác chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu được nhanh chóng và thuận lợi, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc liên quan tới việc chào bán như sau:

- Triển khai phương án chào bán cổ phiếu, quyết định số lượng cổ phiếu phát hành theo số lượng cổ phiếu đang lưu hành thực tế tại thời điểm triển khai phương án chào bán, đảm bảo tổng số lượng cổ phiếu phát hành không vượt quá số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo tỷ lệ thực hiện quyền cố định là 10:3.
- Quyết định thời điểm thực hiện phương án chào bán, thực hiện các thủ tục cần thiết với các cơ quan chức năng để đăng ký chào bán cổ phiếu. Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép chào bán gửi cho UBCKNN và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh phương án chào bán và các hồ sơ khác có liên quan theo tình hình thực tế của Doanh nghiệp hoặc theo yêu cầu của UBCKNN và các cơ quan chức năng khác.
- Lập phương án xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) và cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua (nếu có) theo quy định của Pháp luật. Lựa chọn nhà đầu tư, thực hiện đàm phán, quyết định các điều kiện và điều khoản, xác định tiêu chí, danh sách nhà đầu tư được phân phối mua số lượng cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết trong đợt chào bán chứng khoán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu với giá bán phải lớn hơn hoặc bằng 10.000 đồng/cổ phiếu hoặc hủy bỏ và kết thúc đợt chào bán. Việc lựa chọn nhà đầu tư đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định pháp luật hiện hành.
- Trong các trường hợp việc phân phối số cổ phiếu chưa bán hết không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định, HĐQT sẽ thực hiện xin ý kiến ĐHĐCĐ để thông qua việc phân phối cổ phiếu.
- Quyết định Phương án sử dụng vốn cụ thể và chủ động điều chỉnh về việc sử dụng nguồn vốn thu được, thời điểm giải ngân nguồn vốn, mục đích sử dụng

vốn phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và đáp ứng các quy định của pháp luật có liên quan.

- Thực hiện các thủ tục cần thiết với các cơ quan chức năng để đăng ký chào bán cổ phiếu.
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần trong Điều lệ Công ty sau khi có thông báo bằng văn bản của UBCKNN về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán.
- Thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty liên quan tới việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả thực tế của đợt phát hành với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi UBCKNN thông báo bằng văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán.
- Thực hiện các thủ tục, công việc và lựa chọn thời điểm thích hợp để đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) số lượng cổ phiếu phát hành theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua sau khi UBCKNN thông báo bằng văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán.
- Điều chỉnh, thay đổi phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số tiền thu được từ đợt chào bán nếu thấy cần thiết. Việc thay đổi phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán phải được báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất.
- Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị được ủy quyền lại cho Chủ tịch Hội đồng quản trị/ Người đại diện theo pháp luật để thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể nêu trên.
- Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án chào bán, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh nội dung các tài liệu liên quan đến phương án chào bán (bao gồm cả quyết định về các nội dung chưa được trình bày trong phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu này) theo yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc chào bán cổ phiếu của Công ty được thực hiện đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty.

Điều 12. Thông qua phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua khi triển khai Phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có), cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua khi triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu của Công ty theo Điều 11 như sau:

1. Việc xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) và cổ phiếu của cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và tuân thủ quy định về đầu tư góp vốn vào công ty mẹ, công ty con theo quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp 2020.
2. Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) và số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hoặc không nộp tiền mua sẽ được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện phân phối (xác định tiêu chí, danh sách nhà đầu tư được mua cổ phiếu) cho đối tượng khác *(có thể bao gồm hoặc không bao gồm phân phối cho 04 nhà đầu tư thuộc danh sách (*))*, đảm bảo tuân thủ các tiêu chí, phương thức phân phối và giá chào bán không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (với điều kiện giá chào bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu), thực hiện các thủ tục cần thiết để phân phối cổ phiếu theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua để đợt chào bán đảm bảo thành công và đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty và cổ đông.

(*) Danh sách 04 nhà đầu tư với thông tin như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ hiện tại tại Công ty	Số ĐKSH	Tỷ lệ sở hữu tại ngày (04/02/2026)
1	Lê Hoàng Nam	Chủ tịch HĐQT	092078009326	7,31%
2	Mai Bảo Ngọc	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	086080002788	2,05%
3	Đào Đức Đại	Thành viên HĐQT không điều hành kiêm Thành viên Ủy ban kiểm toán	031066004151	0,99%
4	Lâm Thị Trúc Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	092178001163	3,21%

a) Đại hội đồng cổ đông chấp thuận việc các nhà đầu tư thuộc danh sách (*) được phép mua thêm cổ phiếu được phân phối lại do cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ trong trường hợp danh sách nhà đầu tư được mua cổ phiếu trong đợt phân phối lại được Hội đồng quản trị lựa chọn có 04 nhà đầu tư thuộc danh sách (*). Đồng thời, Đại hội đồng cổ đông chấp thuận việc:

(i) 04 nhà đầu tư thuộc danh sách (*) và người có liên quan được phép mua cổ phiếu phân phối lại do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ (nếu có) trong trường hợp dẫn đến tỷ lệ sở hữu của các đối tượng này vượt mức sở hữu được quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán;

(ii) 04 nhà đầu tư thuộc danh sách (*) và người có liên quan được phép mua cổ phiếu từ 10% vốn điều lệ trở lên của tổ chức phát hành trong một đợt chào bán hoặc trong các đợt chào bán, phát hành trong 12 tháng gần nhất.

b) Trường hợp lựa chọn nhà đầu tư khác thuộc quy định tại khoản 3 Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Hội đồng quản trị thực hiện trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống và số lượng cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký, không nộp tiền mua khi phân phối lại sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

4. Trong trường hợp, hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật *(bao gồm cả thời gian được gia hạn - nếu có),* nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán. HĐQT cân nhắc lựa chọn và điều chỉnh phương án sử dụng vốn để đảm bảo không ảnh hưởng đến nguồn vốn cũng như hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 13. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty với các nội dung sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang theo toàn văn Điều lệ sửa đổi, bổ sung đính kèm Tờ trình số: 09/TTr-HĐQT/2026 ngày 07 tháng 02 năm 2026.
2. Giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung.

3. Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế toàn bộ các quy định trước đây trái với nội dung sửa đổi, bổ sung.

Điều 14. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty với các nội dung sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang theo toàn văn Quy chế nội bộ và quản trị Công ty sửa đổi, bổ sung đính kèm Tờ trình số: 10/TTr-HĐQT/2026 ngày 07 tháng 02 năm 2026.
2. Giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi, bổ sung.
3. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế toàn bộ các quy định trước đây trái với nội dung sửa đổi, bổ sung.

Điều 15. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty với các nội dung sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang theo toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung đính kèm Tờ trình số: 11/TTr-HĐQT/2026 ngày 07 tháng 02 năm 2026.
2. Giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty sửa đổi, bổ sung.
3. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế toàn bộ các quy định trước đây trái với nội dung sửa đổi, bổ sung.

Điều 16. Thông qua việc miễn nhiệm Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 - 2025 và bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 - 2030

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 - 2025 và bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 - 2030 như sau:

1. Thông qua việc miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 - 2025 đối với các Ông, bà:
   1) Ông Lê Hoàng Nam - Chủ tịch HĐQT;
   2) Ông Phạm Ngọc Minh - Phó Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán, thành viên HĐQT độc lập;

3) Ông Mai Bảo Ngọc - Thành viên HĐQT;
4) Ông Đào Đức Đại - Thành viên HĐQT, thành viên Ủy ban kiểm toán;
5) Bà Lâm Thị Trúc Hà - Thành viên HĐQT.

2. Thông qua việc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 - 2030:
   a) Số thành viên HĐQT: 05 người;
   b) Thời gian nhiệm kỳ: 05 năm (2026 - 2030).
3. Thông qua kết quả bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 – 2030

   Thành viên trúng cử vào Hội đồng quản trị:

   1) Ông Nguyễn Thái Hải - Thành viên HĐQT độc lập;
   2) Ông Lê Hoàng Nam - Thành viên HĐQT;
   3) Ông Mai Bảo Ngọc - Thành viên HĐQT;
   4) Ông Đào Đức Đại - Thành viên HĐQT;
   5) Bà Lâm Thị Trúc Hà - Thành viên HĐQT.

Điều 17. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang thông qua toàn văn tại cuộc họp ngày 03/03/2026.

Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; Ban Điều hành và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 03 năm 2026./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG HAMACO MSDN: 1800506879

Lê Hoàng Nam

HAMACO
NHÀ PHÂN PHỐI CHUYÊN NGHIỆP

Số: 07/TTr-HĐQT/2026

Cần Thơ, ngày 07 tháng 02 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của công ty

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (Luật Doanh nghiệp);*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 năm 2019 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật chứng khoán;*
- *Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang;*
- *Căn cứ Nhu cầu thực tế của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang;*
- *Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 36/NQ/HĐQT.2026 ngày 07/02/2026.*

Để phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế của doanh nghiệp, Hội đồng quản trị ("HĐQT") kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang, với nội dung cụ thể như sau:

1. **Tên tổ chức phát hành**: Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang
2. **Tên cổ phiếu**: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang
3. **Mã cổ phiếu**: HAM
4. **Loại cổ phiếu chào bán**: Cổ phiếu phổ thông
5. **Mệnh giá cổ phiếu**: 10.000 đồng/cổ phiếu
6. **Vốn điều lệ hiện tại của Công ty**: 96.380.610.000 đồng
7. **Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành**: 9.638.061 cổ phiếu

   Trong đó:

   - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 9.638.061 cổ phiếu
   - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
8. **Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán**: Tối đa 4.481.127 cổ phiếu
9. **Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán thêm theo mệnh giá**: 44.811.270.000 đồng
10. **Hình thức chào bán**: Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

11. **Đối tượng chào bán:** Tất cả các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang có tên trong danh sách Người sở hữu cổ phần tại ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách) do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp để thực hiện quyền mua.

12. **Mức tăng vốn điều lệ dự kiến**

- Vốn điều lệ dự kiến trước phát hành *(đã bao gồm số lượng cổ phiếu dự kiến sau phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động)* : 149.370.910.000 đồng
- Số vốn điều lệ dự kiến tăng (theo mệnh giá) : 44.811.270.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành : 194.182.180.000 đồng

13. **Nguyên tắc và căn cứ xác định giá chào bán**: Giá phát hành được xác định bằng mệnh giá.

14. **Giá chào bán**: 10.000 đồng/cổ phiếu

15. **Tổng giá trị số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán**: 44.811.270.000 đồng

16. **Tỷ lệ thực hiện quyền:** 10:3 *(Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cứ 01 cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được nhận 01 quyền mua cổ phiếu và cứ 10 quyền mua cổ phiếu sẽ được mua 03 cổ phiếu mới).*

17. **Phương án làm tròn đối với cổ phiếu lẻ (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền**: Để đảm bảo không vượt quá số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán, số lượng cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông hiện hữu được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đối tượng phân phối, tiêu chí, phương thức phân phối cho các nhà đầu tư khác với điều kiện giá bán phải lớn hơn hoặc bằng 10.000 đồng/cổ phiếu.

Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu chào bán thêm, cổ đông A đang sở hữu 119 cổ phiếu. Với tỷ lệ thực hiện quyền 10:3, cổ đông A được quyền mua (119x3/10) = 35,7 cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị thì số cổ phiếu mà cổ đông A được quyền mua là 35 cổ phiếu, số cổ phiếu lẻ 0,7 cổ phiếu sẽ được HĐQT quyết định phân phối lại cho các nhà đầu tư khác với điều kiện giá bán phải lớn hơn hoặc bằng 10.000 đồng/cổ phiếu.

18. **Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có), cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua**: Việc xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) và cổ phiếu của cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và tuân thủ quy định về đầu tư góp vốn vào công ty mẹ, công ty con theo quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp 2020.

- Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) và số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký, không nộp tiền mua, được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đối tượng phân phối, tiêu chí, phương thức phân phối và giá chào bán

không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu *(với điều kiện giá chào bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu).*

- Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống và Số lượng cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký, không nộp tiền mua khi phân phối lại sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
- Đối với trường hợp phân phối lại cổ phiếu thuộc một trong các trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, HĐQT sẽ thực hiện xin ý kiến ĐHĐCĐ để thông qua việc phân phối lại.
- Trong trường hợp, hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật *(bao gồm cả thời gian được gia hạn - nếu có),* nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán. HĐQT cân nhắc lựa chọn và điều chỉnh phương án sử dụng vốn để đảm bảo không ảnh hưởng đến nguồn vốn cũng như hoạt động kinh doanh của Công ty.

19. **Quy định về cổ phiếu chào bán và Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu:**

- Cổ phiếu chào bán là cổ phiếu phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần *(người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng quyền mua đó cho người thứ ba).* Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng.

20. **Phương thức phân phối**

- Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phiếu HAM: Làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua cổ phiếu tại các thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu HAM: Làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu, đăng ký mua cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang tại 184 Trần Hưng Đạo, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

21. **Phương thức thanh toán:** Nộp tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu theo quy định.

22. **Thời gian dự kiến chào bán**: Sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, sau khi hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng, dự kiến thực hiện từ Quý III – Quý IV/2026.

23. **Phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài**: ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT triển khai phương án đảm bảo việc chào bán cổ

phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty theo quy định.

24. Mục đích và Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

Toàn bộ số tiền dự kiến huy động được từ đợt chào bán sẽ được phân bổ sử dụng cho các hoạt động bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Giá trị dự kiến (đồng)
1	Thanh toán khoản nợ vay với tổ chức tín dụng *(Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh Cần Thơ)*	44.811.270.000

Tiến độ sử dụng vốn dự kiến từ Quý IV/2026, thời gian cụ thể do HĐQT quyết định phù hợp với tiến độ thực hiện.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xây dựng phương án sử dụng vốn cụ thể, quyết định và được quyền điều chỉnh phân bổ nguồn tiền thu được từ đợt chào bán và/hoặc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty khi thực hiện chào bán cổ phiếu, kế hoạch phát triển chung của Công ty và đảm bảo lợi ích của cổ đông đáp ứng các quy định của pháp luật.

Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng vốn, HĐQT phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành và báo cáo tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất về việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán này.

25. Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn trong trường hợp cổ phiếu không chào bán hết theo dự kiến: Trong trường hợp cổ phiếu không phân phối hết và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, HĐQT quyết định phương án bù đắp phần vốn thiếu hụt bao gồm và không giới hạn việc huy động nguồn vốn hợp pháp khác, sử dụng nguồn vốn thu được từ hoạt động kinh doanh; điều chỉnh phương án sử dụng vốn theo đúng quy định của pháp luật.

26. Cam kết việc đưa chứng khoán vào giao dịch trên thị trường chứng khoán có tổ chức: Sau khi hoàn tất đợt chào bán, ĐHĐCĐ thông qua và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) theo quy định.

27. Thông qua việc thay đổi Vốn điều lệ: Thông qua việc thay đổi Điều lệ công ty (mục vốn điều lệ) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

28. Trình tự thực hiện chào bán/phát hành:

Công ty thực hiện việc chào bán/phát hành cổ phiếu theo thứ tự như sau:

(1) Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

(2) Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

(3) Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của công ty.

29. Ủy quyền Hội đồng quản trị:

Để việc triển khai thực hiện công tác chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu được nhanh chóng và thuận lợi, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc liên quan tới việc chào bán như sau:

- Triển khai phương án chào bán cổ phiếu, quyết định số lượng cổ phiếu phát hành theo số lượng cổ phiếu đang lưu hành thực tế tại thời điểm triển khai phương án chào bán, đảm bảo tổng số lượng cổ phiếu phát hành không vượt quá số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo tỷ lệ thực hiện quyền cố định là 10:3.
- Quyết định thời điểm thực hiện phương án chào bán, thực hiện các thủ tục cần thiết với các cơ quan chức năng để đăng ký chào bán cổ phiếu. Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép chào bán gửi cho UBCKNN và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh phương án chào bán và các hồ sơ khác có liên quan theo tình hình thực tế của Doanh nghiệp hoặc theo yêu cầu của UBCKNN và các cơ quan chức năng khác.
- Lập phương án xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) và cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua (nếu có) theo quy định của Pháp luật. Lựa chọn nhà đầu tư, thực hiện đàm phán, quyết định các điều kiện và điều khoản, xác định tiêu chí, danh sách nhà đầu tư được phân phối mua số lượng cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết trong đợt chào bán chứng khoán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu với giá bán phải lớn hơn hoặc bằng 10.000 đồng/cổ phiếu hoặc hủy bỏ và kết thúc đợt chào bán. Việc lựa chọn nhà đầu tư đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định pháp luật hiện hành.
- Trong các trường hợp việc phân phối số cổ phiếu chưa bán hết không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định, HĐQT sẽ thực hiện xin ý kiến ĐHĐCĐ để thông qua việc phân phối cổ phiếu.
- Quyết định Phương án sử dụng vốn cụ thể và chủ động điều chỉnh về việc sử dụng nguồn vốn thu được, thời điểm giải ngân nguồn vốn, mục đích sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và đáp ứng các quy định của pháp luật có liên quan.
- Thực hiện các thủ tục cần thiết với các cơ quan chức năng để đăng ký chào bán cổ phiếu.
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần trong Điều lệ Công ty sau khi có thông báo bằng văn bản của UBCKNN về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán.
- Thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty liên quan tới việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả thực tế của đợt phát hành với cơ quan nhà

nước có thẩm quyền sau khi UBCKNN thông báo bằng văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán.

- Thực hiện các thủ tục, công việc và lựa chọn thời điểm thích hợp để đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) số lượng cổ phiếu phát hành theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua sau khi UBCKNN thông báo bằng văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán.
- Điều chỉnh, thay đổi phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số tiền thu được từ đợt chào bán nếu thấy cần thiết. Việc thay đổi phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán phải được báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất.
- Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị được ủy quyền lại cho Chủ tịch Hội đồng quản trị/ Người đại diện theo pháp luật để thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể nêu trên.
- Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án chào bán, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh nội dung các tài liệu liên quan đến phương án chào bán (bao gồm cả quyết định về các nội dung chưa được trình bày trong phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu này) theo yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc chào bán cổ phiếu của Công ty được thực hiện đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty.

Trên đây là Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẬU GIANG
HAMACO
MSDN: 1800506679

Lê Hoàng Nam

HAMACO
NHÀ PHÂN PHỐI CHUYÊN NGHIỆP

Số: 08/TTr-HĐQT/2026

Cần Thơ, ngày 07 tháng 02 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có), cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua khi triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (Luật Doanh nghiệp);*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 năm 2019 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang;*
- *Căn cứ nhu cầu thực tế của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang;*
- *Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 36/NQ/HĐQT.2026 ngày 07/02/2026.*

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") thông qua chi tiết **Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có), cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua khi triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu** của Công ty theo Tờ trình số: 07 ngày 07/02/2026 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 như sau:

1. Việc xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) và cổ phiếu của cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và tuân thủ quy định về đầu tư góp vốn vào công ty mẹ, công ty con theo quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp 2020.
2. Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) và số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hoặc không nộp tiền mua sẽ được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện phân phối (xác định tiêu chí, danh sách nhà đầu tư được mua cổ phiếu) cho đối tượng khác *(có thể bao gồm hoặc không bao gồm phân phối cho 04 nhà đầu tư thuộc danh sách (*))*, đảm bảo tuân thủ các tiêu chí, phương thức phân phối và giá chào bán không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (với điều kiện giá chào bán không thấp hơn 10.000

đồng/cổ phiếu), thực hiện các thủ tục cần thiết để phân phối cổ phiếu theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua để đợt chào bán đảm bảo thành công và đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty và cổ đông.

(*) Danh sách 04 nhà đầu tư với thông tin như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ hiện tại tại Công ty	Số ĐKSH	Tỷ lệ sở hữu tại ngày (04/02/2026)
1	Lê Hoàng Nam	Chủ tịch HĐQT	092078009326	7,31%
2	Mai Bảo Ngọc	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	086080002788	2,05%
3	Đào Đức Đại	Thành viên HĐQT không điều hành kiêm Thành viên Ủy ban kiểm toán	031066004151	0,99%
4	Lâm Thị Trúc Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	092178001163	3,21%

a) Đại hội đồng cổ đông chấp thuận việc các nhà đầu tư thuộc danh sách (*) được phép mua thêm cổ phiếu được phân phối lại do cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ trong trường hợp danh sách nhà đầu tư được mua cổ phiếu trong đợt phân phối lại được Hội đồng quản trị lựa chọn có 04 nhà đầu tư thuộc danh sách (*). Đồng thời, Đại hội đồng cổ đông chấp thuận việc:

(i) 04 nhà đầu tư thuộc danh sách (*) và người có liên quan được phép mua cổ phiếu phân phối lại do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ (nếu có) trong trường hợp dẫn đến tỷ lệ sở hữu của các đối tượng này vượt mức sở hữu được quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán;

(ii) 04 nhà đầu tư thuộc danh sách (*) và người có liên quan được phép mua cổ phiếu từ 10% vốn điều lệ trở lên của tổ chức phát hành trong một đợt chào bán hoặc trong các đợt chào bán, phát hành trong 12 tháng gần nhất.

b) Trường hợp lựa chọn nhà đầu tư khác thuộc quy định tại khoản 3 Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Hội đồng quản trị thực hiện trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống và số lượng cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký, không nộp tiền mua khi phân phối lại sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
4. Trong trường hợp, hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật *(bao gồm cả thời gian được gia hạn - nếu có),* nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán. HĐQT cân nhắc lựa chọn và điều chỉnh phương án sử dụng vốn để đảm bảo không ảnh hưởng đến nguồn vốn cũng như hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trên đây là Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có), cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua khi triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẬU GIANG
HAMACO
MSDN: 1800506879

Lê Hoàng Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Số: 19/2026/NQ-HĐQT	*Cần Thơ, ngày 17 tháng 07 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Về việc triển khai Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài; cam kết triển khai đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán)

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ngày 31/12/2020;*
- *Nghị định số 245/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 về hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;*
- *Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01-NQ.ĐHCĐ.2026 ngày 03/03/2026;*
- *Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01-BBH.ĐHCĐ.2026 ngày 03/03/2026;*
- *Biên bản họp Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang số 19/2026/BB-HĐQT ngày 17/07/2026.*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Hội đồng quản trị ***("HĐQT")*** Công ty thông qua việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ***("ĐHĐCĐ")*** thường niên năm 2026 số 01-NQ.ĐHCĐ.2026 ngày 03/03/2026 của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang, cụ thể như sau:

1. **Tên tổ chức phát hành**: Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang
2. **Tên cổ phiếu**: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang

3. **Mã cổ phiếu**: HAM
4. **Loại cổ phiếu chào bán**: Cổ phiếu phổ thông
5. **Mệnh giá cổ phiếu**: 10.000 đồng/cổ phiếu
6. **Vốn điều lệ hiện tại của Công ty**: 149.370.480.000 đồng
7. **Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành**: 14.937.048 cổ phiếu

   Trong đó:

   - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 14.937.048 cổ phiếu
   - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
8. **Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán**: Tối đa 4.481.114 cổ phiếu
9. **Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán thêm theo mệnh giá**: 44.811.140.000 đồng
10. **Hình thức chào bán**: Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
11. **Đối tượng chào bán:** Tất cả các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang có tên trong danh sách Người sở hữu cổ phần tại ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách) do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp để thực hiện quyền mua.
12. **Mức tăng vốn điều lệ dự kiến**

    - Vốn điều lệ dự kiến trước phát hành : 149.370.480.000 đồng
    - Số vốn điều lệ dự kiến tăng (theo mệnh giá) : 44.811.140.000 đồng
    - Vốn điều lệ sau khi phát hành : 194.181.620.000 đồng
13. **Nguyên tắc và căn cứ xác định giá chào bán**: Giá phát hành được xác định bằng mệnh giá.
14. **Giá chào bán**: 10.000 đồng/cổ phiếu
15. **Tổng giá trị số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán**: 44.811.140.000 đồng
16. **Tỷ lệ thực hiện quyền:** 10:3 *(Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cứ 01 cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được nhận 01 quyền mua cổ phiếu và cứ 10 quyền mua cổ phiếu sẽ được mua 03 cổ phiếu mới).*
17. **Phương án làm tròn đối với cổ phiếu lẻ (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền**: Để đảm bảo không vượt quá số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán, số lượng cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông hiện hữu được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đối tượng phân phối, tiêu chí, phương thức phân phối cho các nhà đầu tư khác với điều kiện giá bán phải lớn hơn hoặc bằng 10.000 đồng/cổ phiếu.

    Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu chào bán thêm, cổ đông A đang sở hữu 119 cổ phiếu. Với tỷ lệ thực hiện quyền 10:3, cổ đông A được quyền mua (119x3/10) = 35,7 cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị thì số cổ phiếu mà cổ đông A được quyền mua là 35 cổ phiếu, số cổ phiếu lẻ 0,7 cổ phiếu sẽ được HĐQT quyết định phân phối lại cho các nhà đầu tư khác với điều kiện giá bán phải lớn hơn hoặc bằng 10.000 đồng/cổ phiếu.

18. **Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có), cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua**: Việc xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) và cổ phiếu của cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và tuân thủ quy định về đầu tư góp vốn vào công ty mẹ, công ty con theo quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp 2020.

- Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) và số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký, không nộp tiền mua, được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đối tượng phân phối, tiêu chí, phương thức phân phối và giá chào bán không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu *(với điều kiện giá chào bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu).*
- Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống và Số lượng cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký, không nộp tiền mua khi phân phối lại sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
- Đối với trường hợp phân phối lại cổ phiếu thuộc một trong các trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, HĐQT sẽ thực hiện xin ý kiến ĐHĐCĐ để thông qua việc phân phối lại.
- Trong trường hợp, hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật *(bao gồm cả thời gian được gia hạn - nếu có),* nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán. HĐQT cân nhắc lựa chọn và điều chỉnh phương án sử dụng vốn để đảm bảo không ảnh hưởng đến nguồn vốn cũng như hoạt động kinh doanh của Công ty.

19. **Quy định về cổ phiếu chào bán và Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu:**

- Cổ phiếu chào bán là cổ phiếu phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần *(người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng quyền mua đó cho người thứ ba)*. Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng.

20. **Phương thức phân phối**

- Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phiếu HAM: Làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua cổ phiếu tại các thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu HAM: Làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu, đăng ký mua cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang tại 184 Trần Hưng Đạo, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

21. **Phương thức thanh toán:** Nộp tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu theo quy định.

22. **Thời gian dự kiến chào bán**: Sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng, dự kiến thực hiện từ Quý III – Quý IV/2026.

23. **Phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài**: ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT triển khai phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty theo quy định.

24. **Mục đích và Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:**

Toàn bộ số tiền dự kiến huy động được từ đợt chào bán sẽ được phân bổ sử dụng cho các hoạt động bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Giá trị dự kiến (đồng)
1	Thanh toán khoản nợ vay với tổ chức tín dụng *(Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh Cần Thơ)*	44.811.140.000

Tiến độ sử dụng vốn dự kiến từ Quý IV/2026, thời gian cụ thể do HĐQT quyết định phù hợp với tiến độ thực hiện.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xây dựng phương án sử dụng vốn cụ thể, quyết định và được quyền điều chỉnh phân bổ nguồn tiền thu được từ đợt chào bán và/hoặc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty khi thực hiện chào bán cổ phiếu, kế hoạch phát triển chung của Công ty và đảm bảo lợi ích của cổ đông đáp ứng các quy định của pháp luật.

Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng vốn, HĐQT phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành và báo cáo tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất về việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán này.

25. **Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn trong trường hợp cổ phiếu không chào bán hết theo dự kiến:** Trong trường hợp cổ phiếu không phân phối hết và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, HĐQT quyết định phương án bù đắp phần vốn thiếu hụt bao gồm và không giới hạn việc thực hiện huy động nguồn vốn hợp pháp khác, sử dụng nguồn vốn thu được từ hoạt động kinh doanh; điều chỉnh phương án sử dụng vốn theo đúng quy định của pháp luật.

26. **Cam kết việc đưa chứng khoán vào giao dịch trên thị trường chứng khoán có tổ chức:** Sau khi hoàn tất đợt chào bán, ĐHĐCĐ thông qua và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) theo quy định.

27. **Thông qua việc thay đổi Vốn điều lệ:** Thông qua việc thay đổi Điều lệ công ty (mục vốn điều lệ) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 2: Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty:

- Căn cứ Công văn số 3676/UBCK-PTTT ngày 14/06/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty CP Vật tư Hậu Giang, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty hiện nay là 0% vốn điều lệ.
- Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 23/06/2026 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt nam (VSDC) cấp, Công ty không có cổ đông nước ngoài sở hữu cổ phần của Công ty.
- Số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu trong đợt chào bán tăng vốn điều lệ này của HAMACO dựa trên Danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp tại thời điểm chốt Danh sách cổ đông để thực hiện quyền.
- Nhằm đảm bảo việc chào bán cổ phiếu trong đợt chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu không làm tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang (tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang là 0%), đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị sẽ phối hợp cùng Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam thực hiện phân phối cổ phiếu chào bán thêm cho các nhà đầu tư nước ngoài theo đúng tỷ lệ nắm giữ của các nhà đầu tư tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, đảm bảo cổ đông (bao gồm cổ đông trong nước và nước ngoài) không được chuyển nhượng quyền mua cho nhà đầu tư nước ngoài.
- Hội đồng quản trị cam kết không phân phối số cổ phiếu không được thực hiện quyền mua (do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua và số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có)) cho các nhà đầu tư nước ngoài.

Điều 3: Thông qua cam kết triển khai đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán:

Hội đồng quản trị cam kết sẽ triển khai đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang (mã chứng khoán: HAM) trên hệ thống giao dịch chứng khoán (HNX) cho số cổ phiếu mới chào bán sau khi kết thúc đợt chào bán theo quy định của pháp luật.

Điều 4: Hội đồng quản trị giao Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty triển khai thực hiện phương án chào bán, cụ thể:

- Tiến hành các thủ tục nộp Hồ sơ xin phép chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Giải trình các vấn đề liên quan (khi có yêu cầu);
- Chuẩn bị và trình Hội đồng quản trị phê duyệt các hồ sơ liên quan đến việc Đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội sau khi việc chào bán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng;
- Tiến hành các thủ tục Công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật;
- Phối hợp với đơn vị Tư vấn – CTCP Chứng khoán FPT – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thực hiện các công việc có liên quan theo đúng các quy định của Công ty và pháp luật.

Điều 5: Hội đồng quản trị giao cho Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc thực hiện ký các văn bản có liên quan và chỉ đạo thực hiện các bước tiếp theo, đảm bảo đúng quy định hiện hành.

Điều 6: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- *Như Điều 6;*
- *BP CBTT;*
- *Lưu VT.*

TM . HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT HẠ TẦNG HAMACO MSDN: 1800506879

LÊ HOÀNG NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Số: 20/2026/NQ-HĐQT	*Cần Thơ, ngày 17 tháng 07 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Về việc chi tiết phương án sử dụng vốn của đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu)

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ngày 31/12/2020;*
- *Nghị định số 245/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 về hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;*
- *Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01-NQ.ĐHCĐ.2026 ngày 03/03/2026;*
- *Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01-BBH.ĐHCĐ.2026 ngày 03/03/2026;*
- *Biên bản họp Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang số 20/2026/BB-HĐQT ngày 17/07/2026.*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua phương án chi tiết sử dụng vốn từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của CTCP Vật tư Hậu Giang như sau:

- Tổng giá trị số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu: 44.811.140.000 đồng
- Toàn bộ số tiền dự kiến huy động được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng cho mục đích cụ thể như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền dự kiến sử dụng (đồng)	Thời gian dự kiến
1	Thanh toán khoản nợ vay với tổ chức tín dụng *(Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh Cần Thơ)* (*)	44.811.140.000	Tiến độ sử dụng vốn dự kiến từ Quý III, IV/2026, thời gian cụ thể do HĐQT quyết định phù hợp với tiến độ thực hiện
	Tổng cộng	**44.811.140.000**	

(*) Thông tin về khoản nợ vay với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh Cần Thơ, chi tiết như sau:

- Mối quan hệ với Tổ chức phát hành và người có liên quan của Tổ chức phát hành: Không có
- Hợp đồng: Hợp đồng cho vay hạn mức số 12/2025-HĐCVHM/NHCT820-HAMACO ngày 12/12/2025 (gọi tắt là "Hợp đồng tín dụng")
- Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức
- Hạn mức cho vay: 170.000.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một trăm bảy mươi tỷ đồng)*
- Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: từ ngày 12/12/2025 đến ngày 30/11/2026
- Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bê tông của Công ty
- Lãi suất cho vay:
  + Lãi suất cho vay trong hạn: là lãi suất được ghi trên từng Giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất theo nguyên tắc được nêu trong Hợp đồng tín dụng.

+ Lãi suất đối với dư nợ gốc bị quá hạn: Trường hợp số dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn theo quy định tại Hợp đồng tín dụng thì Bên vay (CTCP Vật tư Hậu Giang) phải trả lãi trên số dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn như thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

+ Lãi suất chậm trả lãi: Tại thời điểm ký Hợp đồng này, Bên Vay (CTCP Vật tư Hậu Giang) và Bên Cho Vay thống nhất không áp dụng lãi suất chậm trả lãi. Tuy nhiên, Bên Vay đồng ý và thống nhất rằng, tùy thuộc vào chính sách lãi suất của Bên Cho Vay trong từng kỳ, Bên Cho Vay được quyền áp dụng lãi suất chậm trả lãi và các Bên thống nhất trường hợp Bên Vay không trả đầy đủ và đúng hạn bất kỳ khoản tiền lãi nào theo Hợp Đồng này (bao gồm trường hợp Bên Vay được Bên Cho Vay chấp thuận cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ như thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng) thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Thời hạn cho vay: Thời hạn cho vay của từng Khoản Nợ được tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Cho Vay giải ngân Khoản Nợ đến ngày Bên Vay phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi vay. Thời hạn cho vay của từng Khoản Nợ được ghi trên Giấy Nhận Nợ nhưng tối đa không quá năm (05) tháng.
- Tiến độ trả nợ: Dự kiến từ Quý IV/2026
- Số dư nợ vay phát sinh từ Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 13/07/2026 theo xác nhận của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ là: 124.149.494.732 đồng.

Điều 2. Trong trường hợp cổ phiếu không phân phối hết và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, HĐQT quyết định phương án bù đắp phần vốn thiếu hụt bao gồm và không giới hạn việc thực hiện huy động nguồn vốn hợp pháp khác, sử dụng nguồn vốn thu được từ hoạt động kinh doanh; điều chỉnh phương án sử dụng vốn theo đúng quy định của pháp luật

Điều 3. Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản có liên quan và chỉ đạo thực hiện các bước tiếp theo, đảm bảo đúng quy định hiện hành.

Điều 4. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



LÊ HOÀNG NAM

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- HĐQT, UBKT, Ban TGĐ;

- Lưu VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
VẬT TƯ HẬU GIANG	**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**
----------	----------
Số: 25/2026/NQ-HĐQT	*Cần Thơ, ngày 25 tháng 09 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(V/v thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu)

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ngày 31/12/2020;*
- *Nghị định số 245/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 về hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;*
- *Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01-NQ.ĐHCĐ.2026 ngày 03/03/2026;*
- *Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01-BBH.ĐHCĐ.2026 ngày 03/03/2026;*
- *Biên bản họp Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang số 26/2026/BB-HĐQT ngày 25/09/2026.*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu nộp Ủy ban chứng khoán Nhà nước, bao gồm như sau:

1. Giấy đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng
2. Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng;
3. Tài liệu liên quan đến Quyết định của Đại hội đồng cổ đông
   - 3.1 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01-NQ.ĐHCĐ.2026 ngày 03/03/2026 của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu;
   - 3.2 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01-BBH.ĐHĐCĐ.2026 ngày 03/03/2026 của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang;
   - 3.3 Tờ trình số 07/TTr-HĐQT/2026 ngày 07/02/2026 v/v thông qua chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu.
   - 3.4 Tờ trình số 08/TTr-HĐQT/2026 ngày 07/02/2026 v/v Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có), cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua khi triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu
4. Tài liệu liên quan đến Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị
   - 4.1 Nghị quyết HĐQT số 19/2026/NQ-HĐQT ngày 17/07/2026 về việc triển khai Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài; cam kết triển khai đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán;
   - 4.2 Nghị quyết HĐQT số 20/2026/NQ-HĐQT ngày 17/07/2026 về việc chi tiết phương án sử dụng vốn của đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu;
   - 4.3 Nghị quyết HĐQT số 25/2026/NQ-HĐQT ngày 25/09/2026 về việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
5. Báo cáo tài chính
   - 5.1 Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 (Riêng + Hợp nhất);
   - 5.2 Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 (Riêng + Hợp nhất);
   - 5.3 Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2026 (Riêng + Hợp nhất);
6. Hợp đồng tư vấn chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu số 358 -

2025/FPTS/FCF-HCM/HAM ngày 11/12/2025 ký giữa CTCP Vật tư Hậu Giang và CTCP Chứng khoán FPT Chi nhánh TP Hồ Chí Minh.

7. Văn bản cam kết

7.1 Văn bản số 251/VT.2026 ngày 16/07/2026 về việc cam kết sẽ triển khai thực hiện đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành sau khi kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo đúng quy định hiện hành;

7.2 Văn bản số 253/VT.2026 ngày 16/07/2026 về việc cam kết Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 của Luật Chứng khoán

8. Văn bản số 930/CV-CTH-KHDN ngày 17/07/2026 về việc xác nhận phong tỏa tài khoản của Ngân hành TMCP Ngoại thương Việt nam – Chi nhánh Cần Thơ;
9. Điều lệ Công ty Cổ phần Vật Tư Hậu Giang;
10. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 1800506679 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Cần Thơ cấp lần đầu ngày 12/05/2003, Sở Tài chính TP. Cần Thơ cấp thay đổi lần thứ 33 ngày 08/06/2026;
11. Công văn UBCKNN số 3676/UBCK-PTTT ngày 14/06/2023 về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang
12. Tài liệu liên quan đến phương án sử dụng vốn.

Điều 2: Hội đồng quản trị giao cho Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc thực hiện ký các văn bản có liên quan và chỉ đạo thực hiện các bước tiếp theo, đảm bảo đúng quy định hiện hành.

Điều 3: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Nghị quyết HĐQT số 21/2026/NQ-HĐQT ngày 17/07/2026 về việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu./.

Nơi nhận:

– Như trên;

– HĐQT, UBKT;

– Lưu Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT

LÊ HOÀNG NAM

HAMACO®
NHÀ PHÂN PHỐI CHUYÊN NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG
SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 29 tháng 10 năm 2026

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG
HAMACO
MSDN: 1800506679

TỔNG GIÁM ĐỐC

Mai Bảo Ngọc

Cần Thơ, ngày 16 tháng 7 năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 1

Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY 2

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty 2

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 3

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY ... 3

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 3

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty 6

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 6

Điều 6. Vốn điều lệ 6

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 7

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác 8

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 8

Điều 10. Thu hồi cổ phần 8

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT 9

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát 9

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 9

Điều 12. Quyền của cổ đông 9

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông 12

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông 13

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 14

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại Hội đồng Cổ đông 15

Điều 17. Thay đổi các quyền 16

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông 17

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 19

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 19

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua 21

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị

quyết của Đại hội đồng cổ đông 22
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 24
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 25
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 25
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 25
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 26
Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 27
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 28
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị 29
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 30
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 32
Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty. 32
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 33
Điều 33. Tổ chức bộ máy 33
Điều 34. Người điều hành Công ty 33
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc 34
IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 34
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán 34
Điều 37. Thành phần Ủy Ban kiểm toán 35
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán 35
Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán 36
Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 36
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC 37
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 37
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 38
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 38
Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ 38
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 39
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn 39
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 40
Điều 45. Phân phối lợi nhuận 40

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN .. 40
Điều 46. Tài khoản ngân hàng 40
Điều 47. Năm tài chính 41
Điều 48. Chế độ kế toán 41
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN 41
Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý 41
Điều 50. Báo cáo thường niên 42
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY 42
Điều 51. Kiểm toán 42
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP 42
Điều 52. Dấu của doanh nghiệp 42
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY 42
Điều 53. Giải thể công ty 42
Điều 54. Gia hạn hoạt động 43
Điều 55. Thanh lý 43
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 44
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ 44
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 44
Điều 57. Điều lệ Công ty 44
XXI. NGÀY HIỆU LỰC 45
Điều 58. Ngày hiệu lực 45

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết số *01-NQ/ĐHĐCĐ.2026 ngày 03 tháng 03 năm 2026* của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang, sửa đổi ngày 21/04/2026 do điều chỉnh vốn điều lệ sau khi phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và sửa đổi ngày 16/07/2026 do điều chỉnh vốn điều lệ sau khi phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ là* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Công ty ghi nhận ngày 03 tháng 3 năm 1976 là ngày truyền thống của Công ty.

f) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng;

g) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người đại diện phần vốn góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết;

h) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

i) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

j) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty;

k) *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

l) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua.

m) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

n) *Công ty* là Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ nào được đề cập trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

a) Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

b) Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAUGIANG MATERIALS JOINT STOCK COMPANY

c) Tên Công ty viết tắt: HAMACO

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

a) Địa chỉ trụ sở chính: 184, Trần Hưng Đạo, Phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

b) Điện thoại: 02923. 735.345

c) Fax:

d) E-mail: hamaco@hamaco.vn

đ) Website: https://hamaco.vn/

Trong trường hợp có thay đổi, các thông tin nêu trên coi như được tự động cập nhật trong Điều lệ này.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 53 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có hai (02) người đại diện theo pháp luật, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc.
   a) Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty đối với các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các quyết định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
   b) Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty đối với các hoạt động điều hành sản xuất, kinh doanh hằng ngày, theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật theo quy định của pháp luật và được quy định tại Khoản 4 Điều 35 Bản Điều lệ này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
2022	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít Chi tiết: Gia công pha sơn
2511	Sản xuất các cấu kiện kim loại
2591	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại

5021	Vận tải hành khách đường thuỷ nội địa
5022	Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa
5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
5224	Bốc xếp hàng hóa
4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu, dầu nhờn
4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi ; Bán buôn sơn, véc ni ; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
4669 (Chính)	**Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu** **Chi tiết: Mua bán phụ gia chống thấm và phụ gia ngưng kết bê tông. Nhựa đường. Bê tông thương phẩm**
4759	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh
3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc trong lĩnh vực khai thác mỏ, xây dựng và khí đốt
3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt hệ thống khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)
4210	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác

	4513	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác
	4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
	4541	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Đại lý mô tô, xe máy
	4543	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy ; Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy
	4610	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG); Đại lý bếp gas, phụ tùng bếp gas
	4632	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thực phẩm khác
	4633	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn
	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ kinh doanh dược phẩm)
	4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
	4653	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)
	4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
	4932	Vận tải hành khách đường bộ khác

4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe tải thông thường, loại khác (trừ ô tô chuyên dụng, xe container)
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển kinh doanh về sản xuất, thương mại, dịch vụ và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu sinh lợi; giải quyết việc làm ổn định và nâng cao thu nhập cho người lao động; tăng cổ tức và giá trị cổ phiếu cho cổ đông; đóng góp ngân sách Nhà nước thông qua các nghĩa vụ thuế trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty hoạt động trong các ngành, nghề đã đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và được ghi nhận tại Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật tại từng thời điểm. Công ty được thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu kinh doanh và chiến lược phát triển của Công ty.
2. Công ty được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm. Công ty có quyền tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty là 149.370.480.000 đồng (*Một trăm bốn mươi chín tỷ, ba trăm bảy mươi triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng*). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 14.937.048 cổ phần với mệnh giá là 10.000 (*Mười nghìn*) đồng/cổ phần.
2. Việc xác định và điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty được Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua tại từng thời điểm phù hợp; các thay đổi về vốn điều lệ được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và công bố theo quy định của pháp luật. Sau khi việc góp vốn hoặc điều chỉnh vốn điều lệ đã được thực hiện đầy đủ theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, vốn điều lệ được coi như đã tự động cập nhật trong Điều lệ này mà không phải thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ nữa.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
6. Công ty có thể mua Cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.
8. Công ty được phép phát hành cổ phần mới cho người lao động theo chương trình được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt; tổng số cổ phần phát hành trong năm không vượt quá 5% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán do Công ty phát hành, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông đối với một phần vốn cổ phần của Công ty. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty (người được ủy quyền) và phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn *chín mươi (90) ngày* kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn *sáu mươi (60) ngày* kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu. Quy định tại khoản này không áp dụng cho trường hợp cổ phần Công ty được niêm yết/đăng ký giao dịch

trên thị trường chứng khoán tập trung và cổ đông đã đăng ký lưu ký cổ phần thuộc sở hữu của mình vào tài khoản lưu ký mở tại thành viên lưu ký hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
   a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
   b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

1. Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.
2. Trường hợp chứng khoán được đăng ký lưu ký tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, việc chứng nhận quyền sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng, trừ khi pháp luật hoặc Điều lệ này có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07

ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp.

   Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh và tiền lãi theo *lãi suất cho vay của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)* vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Việc xử lý cổ phần bị thu hồi phải được công bố theo quy định pháp luật chứng khoán nếu làm thay đổi cơ cấu vốn hoặc tỷ lệ sở hữu đáng kể.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

1. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:
   a) Đại hội đồng cổ đông;
   b) Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị;
   c) Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:
   a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức

khác do Điều lệ này, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty.

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại: khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông

qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Hội đồng quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại Cổ phần của Cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo quy định tại khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp; việc triệu tập phải được thực hiện trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

e) Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài có quyền và nghĩa vụ ngang nhau. Không hạn chế tỷ lệ sở hữu của cổ đông nước ngoài, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

g) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua;
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
3. Tuân thủ Điều lệ này và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
   a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
   b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
   c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
   d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, email, thư điện tử.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
   a) Vi phạm pháp luật;
   b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
   c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
   a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
   b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
   c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
   d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
   a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 3, Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.
   b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo

quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

c) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
   a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
   b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
   c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
   d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
   đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này;
   e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
   g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
   h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
   i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
   k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
   l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
   m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề tại khoản 1 Điều này và các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán;

d) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

đ) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

e) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

f) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

g) Báo cáo đánh giá của từng thành viên Hội đồng quản trị độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị (khi Công ty niêm yết).

h) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại Hội đồng Cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định sau đây:

a) Cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 5% tổng số cổ phần phổ thông ủy quyền cho một (01) người đại diện theo ủy quyền, từ 5% đến dưới 10% được ủy quyền cho tối đa hai (02) người đại diện theo ủy quyền, từ 10% trở lên được ủy quyền cho tối đa ba (03) người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông Công ty không xác định số cổ phần

tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.

b) Cổ đông là cá nhân chỉ được ủy quyền cho một (01) người đại diện theo ủy quyền.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

   Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

   a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

   b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

   c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

   Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện

theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
   a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
   b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
   c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
   d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
   đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
   e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4, Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4, Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5, Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2, Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
   a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
   b) Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám

sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
   a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
   b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
   c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
   d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
   a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
   b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
   c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn

được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
   a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
   b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
   a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
   b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
   c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, kể cả đối với các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, trừ các nội dung theo khoản 3, khoản 4 và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

2. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
   b) Mục đích lấy ý kiến;
   c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;
   d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
   đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
   e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời và
   g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
   a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Cổ đông không nắm giữ chức danh quản lý của Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c) Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, phương thức biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; và

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc

họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
   b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
   c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
   d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
   đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
   e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
   g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
   h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
   i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải

được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc cuộc họp.
6. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
   a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
   b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ này;

f) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử hai (02) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 40% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo:

a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập;

b) Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ này và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
   a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
   b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
   c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác
   d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
   đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
   e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
   g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
   h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 15 của Điều lệ này và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
   i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ này quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết

định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ này.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện

thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ này.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
   a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
   b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
   c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
   d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
   đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
   e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể

từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị;
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường;
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:
   a) Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
   b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
   c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
   d) Theo yêu cầu của kiểm toán độc lập để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị

phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty. Người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

   Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, email, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Tổng giám đốc, Trưởng Ban kiểm toán nội bộ, các Người quản lý khác, các cá nhân và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng quản trị.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

   a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

   b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 10 Điều này;

   c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

   d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, email thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là hai (02) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài.

   Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.

   Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
3. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty.

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
   a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
   b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
   c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
   d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.
2. Công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
   a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
   b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
   c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
   d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
   đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
   e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
   g) Tuyển dụng lao động;
   h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
   i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 37. Thành phần Ủy Ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
   a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
   b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán;
2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán;
3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết;
4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro, đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty;
5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:
   a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
   b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;
   c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
   d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
   đ) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;
   e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;

g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, Công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
   a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng

quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm (35)% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm (35)% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

7. Tổng giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông

lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm Báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 53. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
   a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ này mà không có quyết định gia hạn;
   b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
   a) Các chi phí thanh lý;
   b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
   c) Nợ thuế;
   d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
   a) Cổ đông với Công ty;
   b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;
   c) Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 58 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang nhất trí thông qua ngày 03 tháng 3 năm 2026 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, sửa đổi ngày 21/04/2026 do điều chỉnh vốn điều lệ sau khi phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và sửa đổi ngày 16/07/2026 do điều chỉnh vốn điều lệ sau khi phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty.
2. Điều lệ này có hiệu lực từ ngày 16 tháng 7 năm 2026. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc của Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc được cơ quan/tổ chức có thẩm quyền chứng thực bản sao./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG
HAMACO
MSDN: 1800506679

Lê Hoàng Nam